TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2017/DSST
Ngày 19 – 5 – 2017
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà **Lê Hồng Lam**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Khưu Liên Dung**

2. Bà **Lâm Thị Nguyệt Hồ**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Trần Mỹ Linh -** Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 170/2016/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2016 về việc "tranh chấp đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 14/2017/QĐXX-ST ngày 04 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Lê Kim P, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 122, đường B, khóm B, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh 1954

Trụ sở: Số 3/21B, đường G, khóm S, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà P có mặt, bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2016 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Kim P trình bày:

Ngày 02/8/2003 âm lịch bà Nguyễn Thị N vay của bà Lê Kim P số tiền 161.000.000 đồng, bà N có viết biên nhận, thỏa thuận mỗi tháng đóng lãi 3.000.000 đồng. Bà N viết và ký tên vào biên nhận ngày 02/8/2003 âm lịch.

Từ ngày 02/8/2003 đến ngày 22/3/2016 bà N đã trả lãi cho bà P nhiều lần tổng cộng số tiền 19.100.000 đồng, sau đó không trả nữa, nên bà P khởi kiện tại Tòa án. Sau đó, đến ngày 02/01/2017 bà N trả thêm tiền lãi 400.000 đồng. Bà P đồng ý trừ số tiền này vào tiền gốc.

Đến nay bà N còn nợ lại số tiền 141.500.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện bà P yêu cầu bà N trả số nợ gốc là 141.500.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 02/8/2003 âm lịch đến khi kết thúc vụ án, mức lãi suất theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà P xin rút lại yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu bà N trả số nợ gốc là 141.500.000 đồng.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Vào khoảng năm 2000 bà Nguyễn Thị N làm chủ hụi, có bán hụi cho bà Tạ Thị C (tên gọi khác H), địa chỉ tại phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, là bà ngoại của bà Lê Kim P 10 chưng hụi (không nhớ loại hụi bao nhiêu tiền), tổng số tiền là 50.000.000 đồng. Đến khi mãn hụi bà H hốt được tổng cộng 130.000.000 đồng, nhưng hụi chưa mãn thì bà N vỡ hụi nên bà H đã tính toàn bộ hụi là bà N còn nợ bà H 130.000.000 đồng, con bà N nợ bà H số tiền 31.000.000 đồng. Tổng cộng bà N và con bà N nợ bà H số tiền 161.000.000 đồng. Bà H yêu cầu bà N viết biên nhận nhận nợ vào ngày 02/8/2003 âm lịch, số nợ là 161.000.000 đồng. Khi viết biên nhận bà H nói là nay bà đã già nên kêu bà N viết là mượn tiền của bà P, chứ thật sự bà N không mượn tiền gì của bà P. Khi viết biên nhận ngày 02/8/2003 âm lịch thì chỉ có bà N và bà H, ngoài ra không có ai khác chứng kiến.

Sau khi viết biên nhận xong, bà H cho bà N trả dần dần, mỗi tháng trả từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng, tổng cộng bao nhiêu không nhớ, khi trả tiền không làm giấy tờ, có ông Võ Thành Minh, nhà gần nhà bà N biết. Đến năm 2008 nợ còn khoảng 20.000.000 đồng, bà H đến nhà gặp bà N nói là cho bà N luôn nợ, không cần trả nữa, khi đó có mẹ của bà P và con của bà N chứng kiến. Bà H đã chết từ năm 2008. Đối với biên nhận ngày 02/8/2003 âm lịch, số tiền nợ 161.000.000 đồng, hiện nay đã hết, bà N không còn nợ khoảng tiền nào. Thời gian thì cũng đã rất lâu, nay lại mang biên nhận này ra yêu cầu bà N trả, bà N không đồng ý trả.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà P, bà N không đồng ý trả vì bà không có nợ tiền bà P.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật:

Tòa án thụ lý giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tuân thủ trình tự tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

*Về nội dung vụ án:*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim P, buộc bà Nguyễn Thị N trả cho bà P số tiền nợ gốc 141.500.000 đồng và đình chỉ phần yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật do nguyên đơn rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị N có đơn xin vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Kim P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N trả số nợ gốc là 141.500.000 đồng. Bà N có nơi cư trú tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

[3] Thời hiệu khởi kiện: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị N có yêu cầu áp dụng thời hiệu. Ngày 02/8/2003 âm lịch bà Nguyễn Thị N vay của bà Lê Kim P số tiền 161.000.000 đồng. Đến ngày 29/11/2016 bà Lê Kim P khởi kiện tại Tòa án yêu cầu trả nợ gốc và tiền lãi. Theo quy định tại Điều 159 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2011; điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì thời hiệu khởi kiện đối với nợ gốc vẫn được đảm bảo; đối với yêu cầu tính lãi thì hết thời hiệu khởi kiện.

Về nội dung:

Giao dịch vay tài sản giữa bà Lê Kim P và bà Nguyễn Thị N đã thực hiện xong trước ngày 01/01/2017 và có tranh chấp, cho nên theo quy định tại Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết.

[1] Xét việc rút yêu cầu về lãi suất của bà Lê Kim P.

Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2016, bà Lê Kim P yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả số nợ gốc là 141.500.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 02/8/2003 âm lịch đến khi kết thúc vụ án, mức lãi suất theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà P xin rút lại yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu bà N trả số nợ gốc là 141.500.000 đồng.

Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Lê Kim P về yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền nợ gốc 141.500.000 đồng. Bà Lê Kim P không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[2] Xét yêu cầu trả số tiền nợ gốc 141.500.000 đồng của bà Lê Kim P.

Xét thấy , bà Lê Kim P xác định có cho bà Nguyễn Thị N vay số tiền 161.000.000 đồng, có lập biên nhận ngày 02/8/2003 âm lịch, đã trả được 19.500.000 đồng, còn nợ là 141.500.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị N xác định là biên nhận ngày 02/8/2003 âm lịch, đúng là do bà N viết và ký tên nhưng thực sự bà N không có nợ tiền bà P, mà nợ tiền bà Tạ Thị C là bà ngoại bà P. Do khi viết biên nhận bà C kêu bà N viết là vay tiền của bà P, nên bà N đã viết là vay tiền của bà P. Đối với số tiền nợ bà C theo biên nhận ngày 02/8/2003 âm lịch, bà N đã trả dần cho bà C đến năm 2008 chỉ còn nợ lại khoảng 20.000.000 đồng, số tiền nợ còn lại bà C đã cho bà N.

Bà N xác định khi viết biên nhận chỉ có bà N và bà C, không có ai khác chứng kiến, hiện nay bà C đã chết. Khi trả tiền cho bà C, không lập biên nhận nhưng có ông Võ Thành Minh biết, do bà N có nhiều lần gởi tiền cho ông Minh mang đi trả cho bà C. Khi bà C nói cho bà N số nợ còn lại thì có mẹ của bà P là bà Trần Kim L chứng kiến.

Người làm chứng do bà N cung cấp là ông Võ Thành Minh xác định khoảng 10 năm trước không nhớ cụ thể là năm nào, ông Minh làm nghề chạy xe ôm, bà Ng có đưa tiền cho ông Minh khoảng 04 lần để mang đến cho bà C, mỗi lần đưa tiền như vậy bà N không có nói bao nhiêu tiền, không nói đưa tiền cho bà C để làm gì. Sau mỗi lần đưa tiền thì bà N trả tiền công chạy xe ôm cho ông Minh, ông Minh không biết tiền bà N kêu đưa cho bà C là tiền gì, ông Minh không biết gì về việc bà N có nợ tiền bà C hay bà P.

Bà Trần Kim L là mẹ ruột của bà Lê Kim P xác định không có sự việc bà chứng kiến bà C nói xóa nợ cho bà N.

Ngoài ra, bà N không cung cấp được chứng cứ , tài liệu nào khác chứng minh cho lời trình bày của mình.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ xác định số tiền bà N nợ 161.000.000 đồng theo biên nhận ngày 02/8/2003 âm lịch là nợ bà C; có căn cứ xác định số tiền bà N nợ 161.000.000 đồng theo biên nhận ngày 02/8/2003 âm lịch là nợ bà P. Bà N xác định bà không có trả khoảng tiền nào cho bà P, nhưng bà P xác định bà N đã trả dần được 19.500.000 đồng, không lập biên nhận, bà P chỉ ghi sổ theo dõi, hiện nay chỉ còn nợ lại 141.500.000 đồng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bà P nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, buộc bà N trả số tiền còn nợ là 141.500.000 đồng.

[3] Án phí.

Vụ án này thụ lý trước ngày 01/01/2017, cho nên theo Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì án phí được thực hiện theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Theo quy định tại Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu của bà Lê Kim P được chấp nhận, nên bà Nguyễn Thị N phải nộp 7.075.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà Lê Kim P không phải chịu án phí, bà P đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 3.600.000 đồng theo biên lai số 0007183 ngày 16 tháng 12 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ số tiền đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 159 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2011;

- Điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 121; Điều 123; khoản 2 Điều 169; Điều 471; Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim P đối với bà Nguyệt Thị N về việc yêu cầu bà N trả số tiền vay gốc còn nợ là 141.500.000 đồng (Một trăm bốn mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Lê Kim P số tiền nợ gốc là 141.500.000 đồng (Một trăm bốn mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi của bà Lê Kim P.

4. Về án phí: Bà Lê Kim P không phải chịu án phí, bà P đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 3.600.000 đồng theo biên lai số 0007183 ngày 16 tháng 12 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ số tiền đã nộp.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Nguyễn Thị N phải nộp là 7.075.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Hồng Lam